



VINACAFÉ BH

Tinh hoa của sự thưởng thức

Tinh hoa của sự thưởng thức

Tinh hoa của sự thưởng thức

Tinh hoa của sự thưởng thức

Tinh hoa của sự thưởng thức

Tinh hoa của sự thưởng thức



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013
VCF ANNUAL REPORT



Khái quát về tình hình hoạt động của Công ty.....03-11



Thư ngỏ của Chủ tịch hội đồng quản trị.....12-13



Báo cáo của Ban Giám đốc.....14-15



Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán.....16-47



Cơ cấu cổ đông- tình hình quản trị Công ty.....48-61



Nhân sự- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty62-67

KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



1.1 Thông tin khái quát:

- ✚ Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA**
- ✚ Tên tiếng Anh: Vinacafé Bien Hoa Joint stock company.
- ✚ Tên viết tắt: Vinacafé BH.
- ✚ Giấy phép đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch – Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 12 năm 2004, sửa đổi lần thứ 9 vào ngày 22 tháng 5 năm 2013, mã số doanh nghiệp: 3600261626.
- ✚ Mã số thuế: 3600261626.
- ✚ Vốn điều lệ: 265.791.350.000 đồng
- ✚ Vốn điều lệ của Vinacafé Biên Hòa qua các lần thay đổi:
 - Tháng 12. 2004: 80.000.000.000 đồng.
 - Tháng 12. 2007: 113.398.600.000 đồng.
 - Tháng 01. 2009: 141.757.100.000 đồng.
 - Tháng 8. 2010: 177.195.160.000 đồng.
 - Tháng 11. 2010: 265.791.350.000 đồng.
- ✚ Địa chỉ công ty: KCN Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- ✚ Điện thoại: 0613.836554 Fax: 0613.836108.
- ✚ Website: www.vinacafebienhoa.com

1.2 Quá trình hình thành và phát triển:

1968: nhà máy cà phê Coronel

Năm 1968, Ông Marcel Coronel, quốc tịch Pháp, cùng vợ là bà Trần Thị Khánh khởi công xây dựng Nhà máy Cà phê CORONEL tại Khu Kỹ nghệ Biên Hòa (nay là Khu Công nghiệp Biên Hòa 1), tỉnh Đồng Nai nhằm giảm thiểu chi phí vận chuyển cà phê về Pháp. Nhà máy Cà phê CORONEL có công suất thiết kế 80 tấn cà phê hòa tan/năm, với toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị được nhập khẩu từ Đức. Nhà máy Cà phê CORONEL tự hào là nhà máy chế biến cà phê hòa tan đầu tiên trong toàn khu vực các nước Đông Dương.

1975: nhà máy cà phê Biên Hòa

Khi Việt Nam thống nhất, gia đình Coronel trở về Pháp. Họ bàn giao Nhà máy cho Chính phủ Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam. Nhà máy Cà phê Coronel được đổi tên thành Nhà máy Cà phê Biên Hòa và được giao cho Tổng cục Công nghệ Thực phẩm quản lý. Tại thời điểm bàn giao, Nhà máy Cà phê Coronel đã chạy thử mẻ cà phê hòa tan, nhưng không thành công, bởi dù rất đam mê công việc, nhưng vốn là kỹ sư nông nghiệp, ông Marcel Coronel chưa tìm được cách “thuần phục” được hệ thống dây chuyền phức tạp gồm rất nhiều máy móc, thiết bị chế biến cà phê hòa tan này.

1977: mẻ cà phê hòa tan đầu tiên

Vào đúng dịp kỷ niệm 2 năm ngày Việt Nam thống nhất, mẻ cà phê hòa tan đầu tiên ra lò trước sự vui mừng của toàn thể cán bộ công nhân viên Nhà máy Cà phê Biên Hòa. Trong suốt hai năm trước đó, tập thể các kỹ sư, công nhân đã ngày đêm cùng nhau tìm tòi, nghiên cứu để có thể vận hành thành công nhà máy. Năm 1977 đánh dấu một cột mốc quan trọng của Nhà máy cà phê Biên Hòa và cũng là của ngành cà phê Việt Nam: lần đầu tiên, Việt Nam sản xuất thành công cà phê hòa tan.

1978: cà phê hòa tan xuất khẩu

Theo Nghị định thư Việt Nam ký kết với các nước trong hệ thống XHCN về hàng đổi hàng, từ 1978, Nhà máy Cà phê Biên Hòa bắt đầu xuất khẩu cà phê hòa tan đến các nước thuộc Liên Xô cũ và Đông Âu.

1983: ra đời thương hiệu Vinacafé

Trong suốt những năm 1980, Nhà máy Cà phê Biên Hòa vừa nghiên cứu cải tiến kỹ thuật để xây dựng quy trình sản xuất chuẩn, vừa sản xuất cà phê hòa tan xuất khẩu theo đơn đặt hàng của nhà nước. Cùng với địa chỉ sản xuất được ghi trên từng bao bì sản phẩm, tên “Vinacafé” bắt đầu xuất hiện ở thị trường Đông Âu bắt đầu từ 1983, đánh dấu thời điểm ra đời của thương hiệu Vinacafé.

1990: trở lại Việt Nam

Vào cuối những năm 1980, các đơn đặt hàng cà phê hòa tan Vinacafé ngày càng giảm, theo cùng với tốc độ diễn biến bất lợi của hệ thống XHCN ở Liên Xô và Đông Âu. Năm 1990, Vinacafé chính thức quay trở lại thị trường Việt Nam dù trước đó một số sản phẩm của Nhà máy Cà phê Biên Hòa đã được tiêu thụ ở thị trường này. Khi quay lại Việt Nam, các sản phẩm của Nhà máy cà phê Biên Hòa rất khó tìm được chỗ đứng, do trước đó thị trường cà phê Việt Nam đã được định hình bởi thói quen uống cà phê rang xay pha tạp (hệ lụy từ chính sách ngăn sông cấm chợ, dẫn đến thiếu hụt cà phê nguyên liệu, người ta phải độn ngô và nhiều phụ gia khác vào cà phê).

1993: Cà phê hòa tan 3 trong 1 ra đời

Cà phê hòa tan 3 trong 1 Vinacafé ra đời đã được thị trường đón nhận nhanh chóng. Giải pháp đưa đường và bột kem vào cà phê đóng sẵn từng gói nhỏ đã giúp người Việt Nam lần đầu tiên được thỏa mãn thói quen uống cà phê với sữa mà không phải chờ cà phê nhỏ giọt qua phin. Cà phê hòa tan 3 trong 1 thành công nhanh đến mức thương hiệu Vinacafé ngay lập tức được Nhà máy Cà phê Biên Hòa đăng ký sở hữu trí tuệ tại Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới.

1998: nhà máy thứ hai

Năm 1998 đánh dấu một cột mốc quan trọng về sự lớn mạnh vượt bậc. Nhà máy chế biến cà phê hòa tan thứ hai được khởi công xây dựng ngay trong khuôn viên của nhà máy cũ. Nhà máy này có công suất thiết kế 800 tấn cà phê hòa tan/năm, lớn gấp 10 lần nhà máy cũ. Chỉ sau đó 2 năm, nhà máy mới đã chính thức được đưa vào vận hành để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường nội địa và xuất khẩu.

2004: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Ngày 29 tháng 12 năm 2004, Nhà máy cà phê Biên Hòa chuyển đổi loại hình doanh nghiệp - từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần. Yêu quý đưa con tinh thần, cộng với sự nổi tiếng của thương hiệu Vinacafé, các cổ đông sáng lập (hầu hết là người của Nhà máy Cà phê Biên Hòa) đã đặt tên mới cho công ty là: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (Vinacafé BH). Đây cũng là thời điểm mở ra một chương mới cho lịch sử Công ty khi mà nó hoạch định lại chiến lược phát triển, viết lại sứ mệnh, tầm nhìn mới và xác định những giá trị cốt lõi của mình, trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế.

2010: Xây nhà máy thứ ba

Ngày 15-12, Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa đã khởi công xây dựng nhà máy chế biến cà phê hòa tan trên khu đất rộng gần 5 ha tại KCN Long Thành, Đồng Nai. Nhà máy thứ ba này có công suất 3.200 tấn cà phê hòa tan nguyên chất/năm, dự kiến khi đi vào hoạt động trong quý 1-2013, mỗi

năm nhà máy sẽ cung cấp ra thị trường hàng vạn tấn cà phê hòa tan 2 trong 1, 3 trong 1 theo công nghệ hiện đại của châu Âu.

Cùng trong năm này, vào 11/2010, công ty đã đưa vào áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

Năm 2010 công ty cấu trúc lại bộ máy phòng ban công ty bằng sự thành lập của phòng Cung ứng và phòng Marketing trên cơ sở từ phòng Kinh doanh.

2011: Niêm yết cổ phiếu

Ngày 28/01/2011, toàn bộ 26.579.135 cổ phiếu của Công ty CP Vinacafé Biên Hòa, tương đương 100% vốn điều lệ 265.791.350.000 đồng, chính thức được niêm yết tại sàn Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh- HOSE với mã chứng khoán là VCF. Trong ngày giao dịch đầu tiên, giá khởi điểm của mỗi cổ phiếu VCF là 50.000 đồng.

Tháng 9/2011, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan chào mua công khai cổ phiếu VCF. Đề nghị chào mua của Masan được Vinacafé Biên Hòa chấp thuận. Tính đến nay, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan đã nắm giữ 14.140.911 cổ phiếu VCF, tương đương 53.20% vốn điều lệ của Vinacafé Biên Hòa.

2012: Hợp nhất hai hệ thống phân phối của VINACAFÉ BH VÀ MASAN CONSUMER.

Vào quý I/2012, hợp nhất hai hệ thống phân phối của công ty Vinacafé Biên Hòa và Masan Consumer tạo thành 1 hệ thống phân phối chung, phát triển lớn mạnh, rộng khắp và hoạt động hiệu quả.

Quý 2/2012, phòng Nghiên cứu và phát triển sản phẩm R&D được thành lập trên cơ sở từ bộ phận Nghiên cứu sản phẩm mới của phòng KCS đáp ứng hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.

Cũng trong năm này, quý 3/2012, Công ty đã triển khai hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp ERP và bước đầu áp dụng hệ thống trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh.

2013: Chính thức đưa dây chuyền sản xuất cà phê hòa tan tại nhà máy Long Thành vào sản xuất:

Vào quý II/2013, Công ty chính thức đưa dây chuyền sản xuất cà phê hoà tan tại Nhà máy Long Thành vào hoạt động.

Tháng 5/2013, Ông Nguyễn Tân Kỳ chính thức là Tổng Giám đốc của Công ty. Nguyên Tổng Giám đốc Phạm Quang Vũ được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Vinacafé Biên Hoà.

Tháng 6/2013, Công ty đã sự thay đổi lớn về cơ cấu tổ chức Công ty, các phòng, ban chức năng được sắp xếp phù hợp theo hướng chuyên môn hóa cũng như phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của từng phòng, ban chức năng để phát huy tối đa hiệu suất hoạt động đáp ứng ngày càng cao yêu cầu công việc, đảm bảo sự chỉ đạo xuyên suốt của cấp quản lý trực tiếp có thẩm quyền và phù hợp mục tiêu phát triển chung của Công ty.

Tách, thành lập các phòng ban mới của Công ty gồm: Phòng Hành chính, phòng Nhân sự, phòng Pháp chế, phòng Nghiên cứu và phát triển, phòng Quản lý chất lượng, phòng Kinh doanh xuất khẩu, phòng Kinh doanh nội địa, phòng Kinh doanh đặc biệt, phòng Kế hoạch, phòng Kho vận.

Tập trung nguồn lực phát triển các sản phẩm mới của Công ty.

1.3 Ngành nghề sản xuất kinh doanh:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm	1079 (chính)
2	Bán lẻ cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm	4719
3	Bán buôn cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm	4632

1.4 Các sản phẩm chính



Cà phê 3 trong 1 nhãn vàng



Các loại ngũ cốc dinh dưỡng



Cà phê hòa tan
Wake- up Sài Gòn



Cà phê 3 trong 1
Wake-up hương chồn



Cà phê hòa tan
Phinn uống liền



Cà phê hòa tan Vinacafé phiên bản mới



Các nhãn hàng cà phê rang xay mới



Nước tăng lực vị cà phê Wake- up 247



CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ DANH HIỆU ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2013

- Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam 2013 (xếp hạng thứ 10) do Báo Nhịp cầu Đầu tư tổ chức;
- Giải bạc chất lượng Quốc gia năm 2013;
- Tiếp tục được người tiêu dùng bình chọn là Hàng Việt Nam chất lượng cao năm thứ 18;
- Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2013;
- Giải thưởng xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp năm 2013;



1.5. Tình hình hoạt động chung của Công ty trong năm 2013:

Những nét khái quát

Năm 2004, Vinacafé Biên Hòa từ một công ty nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần, tổng khối lượng tiêu thụ của Nhà máy Cà phê Biên Hòa đạt 6.693 tấn cà phê các loại và 623 tấn ngũ cốc dinh dưỡng, tổng doanh thu là 267,6 tỷ đồng (số làm tròn).

Năm 2011, sau 7 năm hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần, Vinacafé Biên Hòa đã cung cấp cho thị trường 59.237 tấn cà phê các loại và 20.336 tấn ngũ cốc dinh dưỡng (số làm tròn). Tính riêng năm 2011, doanh thu thuần của Vinacafé Biên Hòa là 1.586 tỷ đồng, tăng 21,8 % so với 2010 và gấp gần 6 lần so với doanh thu 2004.

Năm 2013 là một năm có nhiều thách thức đối với Vinacafé Biên Hòa khi tình hình kinh tế chung tiếp tục bị ảnh hưởng của sự bất ổn kinh tế thế giới do khủng hoảng tài chính chưa được giải quyết. Với sự chỉ đạo sâu sát, nhiệt tình, đúng tầm của Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty, so với năm 2012, tổng doanh thu thuần năm 2013 đạt 2.299 tỷ đồng, tăng 8,7% chủ yếu do tăng khối lượng hàng bán, lợi nhuận sau thuế đạt 260 tỷ đồng. Trong năm này, Công ty đã tái tung thành công sản phẩm cà phê Wake Up Sài Gòn, tung mới nhãn hàng cà phê uống liền Phinn, đem lại nhiều lợi nhuận cho Công ty. Mức tăng 8,7 % về doanh thu cho thấy nhiều nỗ lực của Công ty trong bối cảnh sức mua của thị trường giảm sút mạnh.

- *Doanh thu tiêu thụ sản phẩm năm 2013 đạt 2.299 tỷ đồng.*

- *Chi phí sản phẩm tiêu thụ năm 2013 đạt 1.614 tỷ đồng.*

- *Lợi nhuận sau thuế năm 2013 đạt 260 tỷ đồng.*

1.6 Định hướng phát triển:

Các mục tiêu chủ yếu của công ty

- Duy trì vị trí dẫn đầu tại thị trường cà phê Việt Nam.
- Xuất khẩu cà phê chế biến đến các thị trường trọng điểm.
- Từng bước thâm nhập thị trường đồ uống non- coffee và các sản phẩm thực phẩm khác.
- Đưa ra thị trường nhiều sản phẩm mới, làm cho cà phê trở thành một thức uống được ưa chuộng và sử dụng hàng ngày trên khắp Việt Nam.
- Phát triển thương hiệu VINACAFÉ BH rộng khắp, lớn mạnh, đủ tầm phát triển.

Tầm nhìn

“Hơn 45 năm qua, Vinacafé luôn đam mê sáng tạo mang đến tinh hoa thưởng thức cho người yêu cà phê. Với nhiệt huyết đó, chúng tôi luôn tiên phong và dẫn dắt sự phát triển của ngành thức uống cà phê Việt Nam bằng cách đem lại các sản phẩm mới độc đáo nhưng vẫn đậm phong cách vượt thời gian của Vinacafé”.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trong trung hạn: Công ty định hướng và tập trung cao nhất các nguồn lực của mình vào các hoạt động sản xuất, nâng cao trình độ công nghệ và năng lực sản xuất, xây dựng uy tín về chất lượng. Lấy chất lượng sản phẩm làm nền tảng cho phát triển thương hiệu. Lấy thị trường nội địa làm bộ phận cho xuất khẩu.

Trong dài hạn: Công ty đầu tư mạnh mẽ cho các hoạt động marketing để phát triển các khái niệm mới, sản phẩm mới và xây dựng các thương hiệu mạnh ở thị trường nội địa và ở các quốc gia xuất khẩu đến.



THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý Cổ đông,

Chúng ta vừa trải qua một năm 2013, năm chạm đáy khó khăn chung của nền kinh tế thế giới. Theo đà nền kinh tế chung, nền kinh tế Việt Nam vẫn chưa kịp phục hồi, lạm phát tăng kéo theo sự trì trệ của thị trường tiêu dùng ngành thực phẩm, sức mua giảm dẫn đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước gặp nhiều thử thách, hàng tồn kho tăng cao, hàng chục nghìn doanh nghiệp bị giải thể, phá sản.

Từ những khó khăn nêu trên, Công ty CP Vinacafé Biên Hòa không thể không bị ảnh hưởng, song với tầm nhìn chiến lược, bước đi thận trọng, nhìn thẳng vào vấn đề khó khăn đang tồn tại cần phải khắc phục đề ra các giải pháp điều hành đúng đắn, sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, năng lực quản lý điều hành của Ban giám đốc cùng sự nỗ lực, gắn bó, đoàn kết của toàn thể Cán bộ công nhân viên của Công ty, năm 2013 lại được đánh giá là một năm khá thành công của Công ty trong bối cảnh kinh tế nêu trên khi vẫn duy trì được tốc độ phát triển, doanh thu thuần đạt 2.299 tỷ đồng, đạt 104% kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 260 tỷ đồng, bằng 87% so với năm 2012 nhưng đạt 102% so với kế hoạch đã đề ra. Từ quý II năm 2013, Nhà máy cà phê hòa tan Biên Hòa II đã chính thức đi vào hoạt động, góp phần tăng sản lượng sản xuất cà phê hòa tan cho Công ty, giảm chi phí nguồn nguyên liệu đầu vào. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã tập trung vào việc phát triển hệ thống phân phối, tăng mạnh chi phí quảng cáo, marketing để duy trì sự phát triển của các sản phẩm cũ và tung các sản phẩm mới mang tính ổn định, lâu dài.

Nhận định năm 2014 vẫn còn nhiều khó khăn nhất định đối với thị trường tiêu dùng ngành thực phẩm, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty đã đặt ra mục tiêu phấn đấu tiếp tục đẩy mạnh đà tăng trưởng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau: Doanh thu đạt 3.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 400 tỷ đồng. Mặc dù khó khăn chồng chất khó khăn, tuy nhiên, cùng với quyết tâm cao độ, chúng tôi tin tưởng rằng Vinacafé Biên Hòa sẽ làm nên những điều kỳ diệu trong năm 2014, biến khó khăn thành cơ hội để phát triển, giữ vững danh hiệu là doanh nghiệp sản xuất cà phê hòa tan hàng đầu Việt Nam.

Bên cạnh việc phát triển đầu tư kinh doanh tạo lợi nhuận là sự giữ gìn, duy trì và phát triển thương hiệu. Trải qua hơn 45 năm, nhắc đến thương hiệu Vinacafé là nhắc đến câu chuyện của giá trị di sản văn hóa Việt, đó là *“tinh hoa chắt lọc từ những hạt cà phê hảo hạng, là bí quyết “công thức hạt”, là sự thấu hiểu cà phê đến tận cùng của những con người đam mê, đầy tâm huyết, là niềm tự hào lớn thương hiệu Vinacafé có được trong quá trình hòa nhập mà không hòa tan”*. Vì thế, hơn ai hết, chúng tôi hiểu rằng cần phải giữ trọn vẹn thương hiệu ấy đúng với bản chất di sản và luôn bền vững trên giá trị thật tồn tại từ lâu đời, nâng tầm cho nó trở thành một thương hiệu Quốc gia được nhận diện trên toàn thế giới.

Chúng ta cùng tin tưởng và chung tay để thực hiện điều đó. Chúc một năm 2014 kinh doanh thành công.



PHẠM QUANG VŨ

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



I. TẦM NHÌN

“Hơn 45 năm qua, Vinacafé luôn đam mê sáng tạo mang đến tinh hoa thưởng thức cho người yêu cà phê. Với nhiệt huyết đỏ, chúng tôi luôn tiên phong và dẫn dắt sự phát triển của ngành thức uống cà phê Việt Nam bằng cách đem lại các sản phẩm mới độc đáo nhưng vẫn đậm phong cách vượt thời gian của Vinacafé.”

II. TỔNG KẾT KINH DOANH NĂM 2013

Tuy năm 2013 nền kinh tế vĩ mô vẫn còn nhiều khó khăn bởi khủng hoảng kinh tế chưa có dấu hiệu phục hồi, sức mua giảm sút, nhiều doanh nghiệp phải phá sản, ngưng hoạt động nhưng Công ty vẫn đạt được tăng trưởng về Doanh thu thuần năm 2013 là 2.299 tỷ đồng, tăng 8,7% so với năm 2012; lợi nhuận gộp đạt 685 tỷ đồng, tăng 17,3% so với 2012. Nhưng do năm 2013 là năm tập trung đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới và xây dựng thương hiệu dẫn đến chi phí quảng cáo và bán hàng tăng nên lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 260 tỷ đồng, giảm 12,7% so với năm 2012. Tuy nhiên công ty đã đạt được một số thành tựu chính yếu sau:

1. Doanh thu thuần tăng mạnh trong Quý 4/ 2013 là 18,4% và cả năm là 8,7%.
2. Cải thiện ngoạn mục lợi nhuận biên tế trong Quý 4/ 2013 lên 32,9% và cả năm là 29,8% so với 27,6% của năm 2012. Nguyên nhân chính của thành công này là do từ giữa năm 2013 chúng ta đã đưa vào vận hành nhà máy mới Long Thành giảm được lượng cà phê hoà tan nhập khẩu và tối ưu hoá các công đoạn sản xuất, giảm hao hụt tại cả hai nhà máy Biên Hoà và Long Thành.
3. Tái tung thành công sản phẩm Wake-Up Sài Gòn, sản phẩm đã được thị trường đón nhận và đặc biệt chiếm thị phần áp đảo so với đối thủ cạnh tranh tại thị trường Miền Tây.

III. MỤC TIÊU KINH DOANH NĂM 2014

	Mục tiêu
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	3.000
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	400
Nhãn hiệu mới	2

IV. CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2014

1. Tái tung nhãn hiệu Vinacafé như một nhãn hiệu di sản, truyền thống vượt thời gian.
2. Phát triển và xây dựng nhãn hiệu mới cho ngành thức uống cà phê.
3. Xây dựng kênh phân phối riêng biệt cho ngành nước giải khát (trong đó chủ lực là cà phê) bao gồm cả kênh thông thường và kênh quán.
4. Thúc đẩy các giải pháp công nghệ & quản lý từ đầu vào nguyên liệu qua các công đoạn sản xuất cho đến đầu ra sản phẩm nhằm cải thiện Lợi nhuận biên tế hướng tới mức 35%.

Chúng ta sẽ có một năm 2014 đầy hứng khởi phía trước!


TỔNG GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Tân Kỳ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



4.1 Báo cáo của Ban giám đốc:

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập vào trình bày báo cáo tài chính tổng hợp theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày từ trang 5 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và:
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính tổng hợp này.


Thay mặt Ban Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VINACAFÉ
BIÊN HÒA
Nguyễn Tân Kỳ
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 17 tháng 3 năm 2014.

4.2 Ý kiến của kiểm toán độc lập.

KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 17 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán: 13-01-285



Lâm Thị Ngọc Hào
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
kiểm toán số 0866-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2014

4.3 Báo cáo tài chính năm 2013 được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG:

Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Mẫu B01-DN

Bảng cân đối kế toán tổng hợp cho tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.001.240.001.111	606.591.514.523
(100 = 110+ 130+ 140+ 150)				
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	751.034.054.745	275.247.810.871
Tiền	111		18.034.054.745	36.247.810.871
Các khoản tương đương tiền	112		733.000.000.000	239.000.000.000
Các khoản phải thu	130		83.833.061.265	93.356.340.665
Phải thu khách hàng	131		41.003.914.375	45.473.617.260
Trả trước cho người bán	132		41.921.628.035	46.233.637.411
Phải thu khác	135		2.086.777.601	1.705.716.110
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.179.258.746)	(56.630.116)
Hàng tồn kho	140	6	165.525.035.438	235.125.058.511
Hàng tồn kho	141		175.273.288.440	237.524.985.122
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.748.253.002)	(2.399.926.611)
Tài sản ngắn hạn khác	150		847.849.663	2.862.304.476
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		526.526.501	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.346.538	2.054.465.851
Tài sản ngắn hạn khác	158		311.976.624	807.838.625
TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 220+260)	200		612.111.976.791	526.596.112.341
Tài sản cố định	220		600.257.448.654	521.226.687.073
Tài sản cố định hữu hình	221	7	131.934.485.305	145.292.224.060
Nguyên giá	222		303.536.982.631	294.992.911.341
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(171.602.497.326)	(149.700.687.281)
Tài sản cố định vô hình	227	8	17.267.364.899	16.917.097.709
Nguyên giá	228		18.323.959.390	17.319.885.750
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.056.594.491)	(402.788.041)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	451.055.598.450	359.017.365.304
			-	
Tài sản dài hạn khác	260		11.854.528.137	5.369.425.268
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	6.858.370.285	5.369.425.268
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	4.762.157.852	-
Tài sản dài hạn khác	268		234.000.000	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG TÀI SẢN (270= 100+200)	270		1.613.351.977.902	1.133.187.626.864

Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Bảng cân đối kế toán tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 +330)	300		479.641.144.775	181.732.436.025
Nợ ngắn hạn	310		479.212.635.625	181.732.436.025
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	231.380.072.002	
Phải trả người bán	312	13	96.981.542.350	85.067.348.919
Người mua trả tiền trước	313		4.026.255.204	4.666.340.859
Thuế phải nộp Ngân sách nhà nước	314	14	44.650.393.961	22.815.785.614
Phải trả người lao động	315		16.817.248.508	11.664.445.994
Chi phí phải trả	316	15	66.911.272.529	44.589.151.600
Phải trả khác	319		2.701.523.644	2.160.525.595
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	16	15.744.327.427	10.768.837.444
Nợ dài hạn	330		428.509.150	-
Phải trả dài hạn khác	333		428.509.150	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.133.710.833.127	951.455.190.839
Vốn chủ sở hữu	410	17	1.133.710.833.127	951.455.190.839
Vốn cổ phần	411	18	265.791.350.000	265.791.350.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.974.241.968	29.974.241.968
Quỹ khác	413		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417	19	173.925.282.879	173.925.282.879
Quỹ dự phòng tài chính	418	19	39.585.566.068	39.585.566.068
Lợi nhuận chưa phân phối	420		624.434.392.212	442.178.749.924
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.613.351.977.902	1.133.187.626.864

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ	31/12/2013	31/12/2012
- USD	395.982	108.617
- EUR	3.117	4.947

Ngày 17 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Trương Thị Hiếu
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Tân Kỳ
Tổng Giám đốc

Công ty CP Vinacafé Biên Hòa

Mẫu B02-DN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu	01	20	2.341.377.673.390	2.141.776.188.691
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	42.708.554.256	27.117.318.962
Doanh thu thuần (10=01-02)	10		2.298.669.119.134	2.114.658.869.729
Giá vốn hàng bán	11		1.613.677.337.188	1.530.525.587.622
Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		684.991.781.946	584.133.282.107
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	16.994.408.484	17.377.974.589
Chi phí tài chính	22	22	5.393.790.048	2.402.076.249
<i>Trong đó chi phí lãi vay</i>	23		3.210.620.308	508.800.000
Chi phí bán hàng	24		390.265.260.859	254.799.624.784
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		36.186.626.908	41.611.558.271
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		270.140.512.615	302.697.997.392
{30= 20+(21-22)-(24+25)}				
Thu nhập khác	31	23	21.658.402.444	23.789.399.663
Chi phí khác	32		4.483.726.523	318.128.588
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	40		17.174.675.921	23.471.271.075
(40=31-32)				
Lợi nhuận/(Lỗ) được chia từ công ty liên kết	41		-	-
Lợi nhuận trước thuế (50=40+30)	50		287.315.188.536	326.169.268.467
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	31.688.078.755	27.927.220.906
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	(4.762.157.852)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		260.389.267.633	298.242.047.561
(60= 50-51-52)				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	9.797	11.221

Ngày 17 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Trương Thị Hiếu
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Tân Kỳ
Tổng Giám đốc

Mẫu B03-DN

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03-DN

	Mã số	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	287.315.188.536	326.169.268.467
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	27.313.764.789	11.867.826.836
Các khoản dự phòng	03	18.584.678.552	(2.962.430.984)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	429.264.212	-
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	05	(15.510.694.892)	(16.936.941.307)
Chi phí lãi vay	06	3.210.620.308	508.800.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	321.342.821.505	318.646.523.012
Biên động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	12.753.695.360	110.973.609.915
Biến động hàng tồn kho	10	52.137.973.151	17.203.475.861
Biên động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	50.130.655.210	82.405.882.078
Biên động chi phí trả trước	12	3.032.964.507	4.720.185.183
		439.398.109.733	533.949.676.049
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.940.676.890)	(508.800.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(20.514.577.651)	(25.250.558.702)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(19.999.865.362)	(12.024.337.395)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	395.942.989.830	496.165.979.952
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(111.518.914.776)	(483.566.028.626)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	38.589.906	-
Khoản vay cấp cho các bên liên quan	23		
Tiền thu hồi các khoản vay từ các bên liên quan	24		
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	24	(1.391.900.000.000)	-
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24	1.391.900.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
Tiền thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
Tiền thu lãi tiền gửi	27	13.598.599.033	17.584.486.097
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(97.881.725.837)	(465.981.542.529)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B03-DN

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	-
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		279.829.609.779	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(48.449.537.777)	-
Tiền trả cổ tức	36		(53.158.270.000)	(53.158.270.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		178.221.802.002	(53.158.270.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		476.283.065.995	(22.973.832.577)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		275.247.810.871	298.221.643.448
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(496.822.121)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70= 50+60+61)	70		751.034.054.745	275.247.810.871

Ngày 17 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Trương Thị Hiếu
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Tân Kỳ
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm:

1. Đơn vị báo cáo:

Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và bán các loại cà phê và ngũ cốc ăn liền cho thị trường nội địa và xuất khẩu.

Công ty có Trụ sở chính tại Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và một chi nhánh trực thuộc tại Hà Nội. Các báo cáo tài chính tổng hợp này bao gồm các báo cáo tài chính của Trụ sở chính và Chi nhánh.

Tại ngày 31/12/2013, Công ty có 746 nhân viên (ngày 31/12/2012: 716 nhân viên).

2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính:**a) Tuyên bố về tuân thủ:**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

b) Cơ sở đo lường:

Báo cáo tài chính tổng hợp, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp được lập theo phương pháp gián tiếp.

c) Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

d) Đơn vị tiền tệ kế toán:

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu:

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này:

a) Các giao dịch bằng ngoại tệ:

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

b) Tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

c) Các khoản phải thu:

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

d) Hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

e) Tài sản cố định hữu hình:**i. Nguyên giá:**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

ii. Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà xưởng và cấu trúc: 5-25 năm.
- Máy móc và thiết bị: 3-7 năm.
- Thiết bị văn phòng: 6 năm.
- Phương tiện vận chuyển: 3-4 năm.

f) Tài sản cố định vô hình.**iii. Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong Giấy phép đầu tư và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

iv. **Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

g) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

h) **Chi phí trả trước dài hạn**

i. **Quán cà phê**

Quán cà phê gồm các chi phí cải tạo và trang bị cho quán cà phê, được phân bổ trong vòng 5 năm.

ii. **Thiết bị và phương tiện vận chuyển.**

Thiết bị và phương tiện vận chuyển bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính cung cấp hướng dẫn về việc quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của thiết bị và phương tiện vận chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 01 đến 3 năm.

i) **Các khoản phải trả người bán và phải trả khác.**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

j) **Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

k) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ mức độ đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính. Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám Đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu, hoặc
- Các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, hoặc
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu.

i) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám Đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - Khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Công ty không có các khoản thuế thu nhập nào được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trong suốt năm trong năm.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản

mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

m) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

o) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng trong năm.

q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

r) Công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm Công ty mẹ của Công ty, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan, Công ty mẹ trên cùng, cùng các Công ty con và Công ty liên kết.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

4. Báo cáo bộ phận

Công ty hoạt động theo các bộ phận kinh doanh chính như sau:

Cà phê và các sản phẩm liên quan được làm từ cà phê

Ngũ cốc

Khác

	Cà phê		Ngũ cốc		Khác		Tổng	
	2013 VND	2012 VND	2013 VND	2012 VND	2013 VND	2012 VND	2013 VND	2012 VND
Doanh thu trong nước	1.671.534.145.806	1.480.826.756.326	326.159.534.814	470.073.983.208	125.359.788.174	5.793.449.567	2.123.053.468.794	1.956.694.189.101
Doanh thu xuất khẩu	171.296.239.612	153.650.959.682	2.964.865.375	3.760.807.478	1.354.545.353	552.913.468	175.615.650.340	157.964.680.628
Tổng doanh thu của bộ phận	1.842.830.385.418	1.634.477.716.008	329.124.400.189	473.834.790.686	126.714.333.527	6.346.363.035	2.298.669.119.134	2.114.658.869.729
Giá vốn hàng bán	(1.403.693.130.020)	(1.223.680.863.445)	(202.100.037.171)	(302.240.924.406)	(7.884.169.997)	(4.603.799.771)	(1.613.677.337.188)	(1.530.525.587.622)
Lợi nhuận gộp của bộ phận	439.137.255.398	410.796.852.563	127.024.363.018	171.593.866.280	118.830.163.530	1.742.563.264	684.991.781.946	584.133.282.107
Chi phí không phân bổ (...)							(414.851.269.331)	(281.435.284.715)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh							270.140.512.615	302.697.997.392
Thu nhập khác							21.658.402.444	23.789.399.663
Chi phí khác							(4.483.726.523)	(318.128.588)
Thuế thu nhập							(26.925.920.903)	(27.927.220.906)
Lợi nhuận thuần sau thuế							260.389.267.633	298.242.047.561

Tài sản và nợ phải trả không thể phân tách thành các bộ phận trên theo một cơ sở hợp lý.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	11.903.056	431.408.199
Tiền gửi ngân hàng	18.022.151.689	35.816.402.672
Các khoản tương đương tiền	733.000.000.000	239.000.000.000
	751.034.054.745	275.247.810.871

6. Hàng tồn kho:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nguyên vật liệu	143.380.342.897	175.638.787.174
Công cụ và dụng cụ	169.454.346	263.148.362
Sản phẩm dở dang	26.259.695.287	37.625.544.422
Thành phẩm	4.643.260.414	23.975.474.913
Hàng hóa tồn kho	820.535.496	22.030.251
	175.273.288.440	237.524.985.122
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(9.748.253.002)	(2.399.926.611)
Cộng	165.525.035.438	235.125.058.511

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.399.926.611	-
Tăng dự phòng trong năm	17.462.049.922	2.399.926.611
Sử dụng dự phòng trong năm	(10.113.723.531)	-
Hoàn nhập dự phòng		
Số dư cuối năm	9.748.253.002	2.399.926.611

Tại ngày 31/12/2013, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 165.5 triệu VND (ngày 31/12/2012: không), được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	40.911.058.429	241.766.361.844	5.014.763.249	7.300.727.819	294.992.911.341
Tăng trong năm	1.576.066.719	11.036.102.682	180.200.000	575.000.000	13.367.369.401
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.358.310.799	243.013.404	-	2.601.324.203
Phân loại lại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(149.047.568)	(1.634.169.627)	(4.186.978.284)	(341.167.455)	(6.311.362.934)
Thanh lý	-	(1.113.259.380)	-	-	(1.113.259.380)
Số dư cuối năm	42.338.077.580	252.413.346.318	1.250.998.369	7.534.560.364	303.536.982.631
Giá trị hao mòn lũy kế					-
					-
Số dư đầu năm	14.143.405.364	128.868.409.436	2.531.785.496	4.157.086.985	149.700.687.281
Khấu hao trong năm	3.508.185.070	21.826.835.991	643.182.989	681.754.289	26.659.958.339
Phân loại lại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(149.047.568)	(1.209.177.287)	(2.291.427.042)	(121.189.398)	(3.770.841.295)
Thanh lý	-	(987.306.999)			(987.306.999)
					-
Số dư cuối năm	17.502.542.866	148.498.761.141	883.541.443	4.717.651.876	171.602.497.326
Giá trị còn lại					-
Số dư đầu năm	26.767.653.065	112.897.952.408	2.482.977.753	3.143.640.834	145.292.224.060
Số dư cuối năm	24.835.534.714	103.914.585.177	367.456.926	2.816.908.488	131.934.485.305

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 120.089 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31/12/2013 (31/12/2012: 120.544 triệu VND, nhưng vẫn đang sử dụng)

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại điều 3 Thông tư 45/2013/TT-BTC, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh số 10)

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm sử dụng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	17.319.885.750	-	17.319.885.750
Tăng trong năm	-	1.004.073.640	1.004.073.640
			-
Số dư cuối năm	17.319.885.750	1.004.073.640	18.323.959.390
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	402.788.041	-	402.788.041
Khấu hao trong năm	402.788.040	251.018.410	653.806.450
			-
Số dư cuối năm	805.576.081	251.018.410	1.056.594.491
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	16.917.097.709	-	16.917.097.709
Số dư cuối năm	16.514.309.669	753.055.230	17.267.364.899

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	359.017.365.304	4.752.070.645
Tăng trong năm	97.147.471.735	413.943.061.815
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.601.324.203)	(59.677.767.156)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(2.507.914.386)	-
Số dư cuối năm	451.055.598.450	359.017.365.304

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Quán cà phê VND	Thiết bị và Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	5.369.425.268		5.369.425.268
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình (*)	-	2.540.521.639	2.540.521.639
Tăng trong năm	1.281.362.453	-	1.281.362.453
Phân bổ trong năm	(1.396.957.419)	(935.981.656)	(2.332.939.075)
Số dư cuối năm	5.253.830.302	1.604.539.983	6.858.370.285

(*) Việc phân loại lại từ tài sản cố định phản ánh giá trị còn lại của các tài sản hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định, là tiêu chuẩn có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên, theo quy định tại Điều 3 Thông tư 45/2013/TT-BTC. Các tài sản này được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình trong kỳ (Thuyết minh số 7). Giá trị còn lại của các tài sản có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu VND được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính còn lại nhưng không quá ba năm.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí phải trả	4.762.157.852	

12. Vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

			31/12/2013	31/12/2012
	Loại tiền	Lãi suất năm	VND	VND
Khoản vay ngân hàng 1	VND	6%	99.998.230.937	-
Khoản vay ngân hàng 2	VND	6%	131.381.841.065	-
			231.380.072.002	

Khoản vay ngân hàng 1 không được đảm bảo và khoản vay ngân hàng 2 được đảm bảo bằng hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 165,5 triệu VND (ngày 31/12/2012: không).

13. Phải trả người bán

Trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả các công ty liên quan như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải trả cho Công ty CP hàng tiêu dùng Masan	-	234.039.035

Các khoản phải trả thương mại đối với Công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

14. Thuế phải nộp Ngân sách nhà nước

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	19.931.861.814	2.031.221.607
Thuế nhập khẩu	3.331.819.473	10.761.761.210
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.196.303.901	10.022.802.797
Thuế thu nhập cá nhân	190.408.773	
Các loại thuế khác		
Cộng	44.650.393.961	22.815.785.614

15. Chi phí phải trả

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí quảng cáo khuyến mãi	31.300.138.224	29.120.808.726
Giảm giá hàng bán	14.017.037.720	2.201.727.277
Chi phí nghiên cứu thị trường	5.120.446.588	218.408.000
Chi phí bán hàng cho công ty liên quan	8.855.719.783	8.363.951.000
Chi phí giao nhận	4.457.670.397	3.906.797.610
Chi phí lãi vay	269.943.418	-
Chi phí khác	2.890.316.399	777.458.987
Cộng	66.911.272.529	44.589.151.600

16. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	10.768.837.444	3.982.082.093
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm	21.566.755.345	15.271.615.351
Số sử dụng trong năm	(16.591.265.362)	(8.484.860.000)
Số dư cuối năm	15.744.327.427	10.768.837.444

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 11 tháng 5 năm 2013 đã quyết định trích quỹ khen thưởng và phúc lợi 21.566.755.345 VND (2012: 15.271.615.351 VND) từ lợi nhuận chưa phân phối.

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	265.791.350.000	29.974.241.968	137.456.077.032	30.814.459.873	261.146.377.151	725.182.506.024
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	298.242.047.561	298.242.047.561
Cổ tức giữa kỳ (Thuyết minh số 26)	-	-	-	-	(21.263.308.000)	(21.263.308.000)
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh số 26)	-	-	-	-	(31.894.962.000)	(31.894.962.000)
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(3.539.477.395)	(3.539.477.395)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (thuyết minh số 16)	-	-	-	-	(15.271.615.351)	(15.271.615.351)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	36.469.205.847	8.771.106.195	(45.240.312.042)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	265.791.350.000	29.974.241.968	173.925.282.879	39.585.566.068	442.178.749.924	951.455.190.839
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	260.389.267.633	260.389.267.633
Cổ tức giữa kỳ (Thuyết minh số 26)	-	-	-	-	(21.263.308.000)	(21.263.308.000)
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh số 26)	-	-	-	-	(31.894.962.000)	(31.894.962.000)
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(3.408.600.000)	(3.408.600.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (thuyết minh số 16)	-	-	-	-	(21.566.755.345)	(21.566.755.345)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	265.791.350.000	29.974.241.968	173.925.282.879	39.585.566.068	624.434.392.212	1.133.710.833.127

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số cổ phần được duyệt và đã phát hành	26.579.135	265.791.350.000	26.579.135	265.791.350.000
Cổ phiếu phổ thông				

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động trong năm của vốn cổ phần.

19. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu**i. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

ii. Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập như dự phòng cho các rủi ro kinh doanh chung trong tương lai của Công ty.

20. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng
Doanh thu thuần bao gồm:

	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu	2.341.377.673.390	2.141.776.188.691
<i>Bán hàng thành phẩm</i>		
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(25.277.061.574)	(19.480.524.683)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(17.420.992.537)	(7.636.794.279)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(10.500.145)	
	(42.708.554.256)	(27.117.318.962)
Doanh thu thuần	2.298.669.119.134	2.114.658.869.729

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	2013	2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi	15.598.057.367	16.941.494.589
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.328.433.513	436.480.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	67.917.604	-
Cộng	16.994.408.484	17.377.974.589

22. Chi phí tài chính

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.210.620.308	508.800.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.428.821.692	1.893.276.249
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	497.181.816	-
Chi phí tài chính khác	257.166.232	-
Cộng	5.393.790.048	2.402.076.249

23. Thu nhập khác

	2013	2012
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	38.589.906	-
Thu nhập bán phế liệu	660.968.071	-
Thuế nhập khẩu được hoàn lại	19.289.451.767	18.997.397.433
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	-	3.568.169.279
Thu nhập khác	1.669.392.700	1.243.832.951
	21.658.402.444	23.789.399.663

24. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	32.567.005.217	28.225.377.794
Dự phòng thừa trong những năm trước	(878.926.462)	(298.156.888)
	31.688.078.755	27.927.220.906
Thu nhập thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(4.762.157.852)	-
Chi phí thuế thu nhập	26.925.920.903	27.927.220.906

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế:

	2013	2012
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	287.315.188.536	326.169.268.467
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	43.097.278.280	48.925.390.270
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	2.152.513.000	1.508.005.987
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.103.684.085	1.156.580.374
Ưu đãi thuế	(21.548.628.000)	(23.364.598.837)
Dự phòng thừa trong những năm trước	(878.926.462)	(298.156.888)
	26.925.920.903	27.927.220.906

(c) Thuế suất áp dụng:

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế. Tuy nhiên, do công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty nhà nước từ năm 2006, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên đi vào hoạt động (2005) và giảm 50% thuế thu nhập trong vòng 7 năm tiếp theo (năm 2008-2014). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 25%.

Ngày 19/6/2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

25. Lãi trên cổ phiếu:

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc tại ngày 31/12/2013 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông:

	2013	2012
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm và thuộc về cổ đông phổ thông	260.389.267.633	298.242.047.561

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền:

	2013	2012
	VND	VND
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại ngày 31/12/2013	26.579.135	26.579.135

Tại ngày 31/12/2013, Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng.

26. Cổ tức:

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 11/5/2013 đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền là 31.894.962.000 VND tương đương 1.200 VND trên một cổ phiếu (2012: 31.894.962.000 VND tương đương 1.200 VND trên một cổ phiếu).

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 14/11/2013 thông qua quyết định của Ban giám đốc của Công ty về quyết định phần trăm phân phối cổ tức giữa niên độ dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2013. Theo đó, cuộc họp của Hội đồng quản trị đã quyết định phân phối khoản cổ tức giữa niên độ cho năm kết thúc ngày 31/12/2013 là 8% vốn cổ phần có giá trị 21.263.308.000 VND tương đương 800 VND trên một cổ phiếu (2012: 21.263.308.000 VND tương đương 800 VND trên một cổ phiếu).

27. Các công cụ tài chính

a) Quản lý rủi ro tài chính

i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tín dụng;
- Rủi ro thanh khoản, và
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp các thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám Đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám Đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức, các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và những khoản tiền gửi tại ngân hàng.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng:

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND

Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	751.022.151.689	274.816.402.672
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	43.090.691.976	47.179.333.370
		<u>794.112.843.665</u>	<u>321.995.736.042</u>

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám Đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến các khoản phải thu mà chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám Đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các Công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Giám Đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	-	7.864.265.971
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	-	2.858.618.587
Quá hạn trên 180 ngày	1.502.781.897	4.388.586.873
	<u>1.502.781.897</u>	<u>15.111.471.431</u>

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	56.630.116	-
Tăng dự phòng trong năm	1.122.628.630	56.630.116
	<u>1.179.258.746</u>	<u>56.630.116</u>
Số dư cuối năm	1.179.258.746	56.630.116

c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát

sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Các khoản vay ngắn hạn	231.380.072.002	232.967.562.729	232.967.562.729
Phải trả người bán	96.981.542.350	96.981.542.350	96.981.542.350
Phải trả người lao động	16.817.248.508	16.817.248.508	16.817.248.508
Chi phí phải trả	66.911.272.529	66.911.272.529	66.911.272.529
Phải trả khác	2.701.523.644	2.701.523.644	2.701.523.644
	414.791.659.033	416.379.149.760	416.379.149.760

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán	85.067.348.919	85.067.348.919	85.067.348.919
Phải trả người lao động	11.664.445.994	11.664.445.994	11.664.445.994
Chi phí phải trả	44.589.151.600	44.589.151.600	44.589.151.600
Phải trả khác	2.160.525.595	2.160.525.595	2.160.525.595
	143.481.472.108	143.481.472.108	143.481.472.108

d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Công ty có tài sản/(nợ phải trả) thuần chịu ảnh hưởng như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	395.982	3.117	108.617	4.947
Phải thu khách hàng	1.059.203	-	1.021.407	-
Phải trả người bán	(75.429)	-	(111.367)	(559.700)
	1.379.756	3.117	1.018.657	(554.753)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
USD	21.080	20.828
EUR	28.890	27.371

Các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 là không trọng yếu. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

ii) *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	733.000.000.000	239.000.000.000
Vay ngắn hạn	(231.380.072.002)	-
	501.619.927.998	239.000.000.000
Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
	18.022.151.689	35.816.402.672

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản của mức lãi suất của các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận thuần của Công ty.

e) *Giá trị hợp lý*

i) *Giá trị ghi sổ*

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị ghi sổ VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
• Tiền và các khoản tương đương tiền	751.034.054.745	275.247.810.871
• Phải thu khách hàng và phải thu khác	43.090.691.976	47.179.333.370
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
• Các khoản phải trả người bán	(96.981.542.350)	(85.067.348.919)
• Phải trả người lao động	(16.817.248.508)	(11.664.445.994)
• Chi phí phải trả	(66.911.272.529)	(44.589.151.600)
• Phải trả khác	(2.701.523.644)	(2.160.525.595)
• Vay ngắn hạn	(231.380.072.002)	-
	379.333.087.688	178.945.672.133

iii. **Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá. Công ty không xác định giá trị hợp lý của khoản nợ phải trả và tài sản tài chính để trình bày theo điều khoản 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 vì giá niêm yết trên thị trường tập trung không sẵn có đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính này; và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam không cung cấp các chỉ dẫn về đánh giá giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường tập trung chưa sẵn có. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2013	2012
	VND	VND
Công ty CP Hàng tiêu dùng Masan		
Cổ tức bằng tiền	28.281.823.000	27.170.114.000
Mua hàng hóa	803.302.789	2.713.113.359
Phân chia chi phí bán hàng	33.568.799.503	13.304.374.000
Tổng Công ty cà phê Việt Nam		
Cổ tức bằng tiền	12.690.400.000	19.828.750.000
Ban Giám đốc và Ban quản trị		
Cổ tức bằng tiền	767.060.000	1.179.310.000

Tiền thưởng	24.975.355.345	11.675.585.528
-------------	----------------	----------------

29. Cam kết**a) Chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có các cam kết vốn sau đã được phê duyệt nhưng chưa phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	2013 VND	2012 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết Hợp đồng	55.551.079.747	147.286.025.021
Đã được duyệt và đã ký kết Hợp đồng	64.109.557.775	246.955.554.216
	119.660.637.522	394.241.579.237

Bảng tóm tắt kinh phí dự án nhà máy cà phê hòa tan tại Long Thành như sau:

	2013 VND	2012 VND
Giá trị dự án đã được duyệt và đã ký kết Hợp đồng	561.846.260.633	470.111.315.363
- Giá trị dự án đã được tiến hành	497.736.702.858	223.155.761.147
- Giá trị dự án chưa được tiến hành	64.109.557.775	246.955.554.216
Giá trị dự án đã được duyệt nhưng chưa ký kết Hợp đồng	55.551.079.751	147.286.025.021
Tổng kinh phí dự án đã được duyệt		
	617.397.340.384	617.397.340.384

a) Hợp đồng thuê:

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các Hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang bao gồm thuê nhà ở và kho như sau:

	2013 VND	2012 VND
Trong vòng một năm	10.985.502.420	6.757.097.748
Trong vòng hai đến năm năm	4.271.379.760	9.579.278.272
	15.256.882.180	16.336.376.020

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố:

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.498.359.738.480	1.417.264.175.089
Chi phí nhân công	134.175.305.974	96.135.014.175
Chi phí khấu hao và phân bổ	27.313.764.789	11.867.826.836

Chi phí dịch vụ mua ngoài	280.957.837.092	203.456.935.705
Chi phí khác	99.322.578.620	42.862.384.923

Ngày 17 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Trương Thị Hiếu
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Nguyễn Tân Kỳ
Tổng Giám đốc

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG - TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY



Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 diễn ra công khai, minh bạch

1. Cổ phần- cơ cấu cổ đông

- Tổng số cổ đông của Công ty: 445 cổ đông (theo Danh sách cổ đông chốt ngày 20/3/2014 bởi Trung tâm lưu ký chứng khoán chi nhánh Hồ Chí Minh), nắm giữ 26.579.135 cổ phần của Công ty.
- Cơ cấu cổ đông:
Trong 445 cổ đông toàn Công ty, có đến 394 cổ đông là cá nhân, tổ chức trong nước (chiếm hơn 88% cổ đông Công ty) và 51 cổ đông là cá nhân, tổ chức nước ngoài, chiếm số lượng cổ phần cụ thể như sau:

	2012		2013		Thay đổi	
	CP	%	CP	%	CP	%
1 Cổ đông trong nước	25.119.133	94,51%	18.678.483	70,27%	(6.440.650)	-24,24%
- Cá nhân	1.063.712	4,00%	1.123.048	4,23%	59.336	0,23%
- Tổ chức	24.055.421	90,50%	17.555.435	66,05%	(6.499.986)	-24,45%
2 Cổ đông nước ngoài	1.460.002	5,49%	7.900.652	29,73%	6.440.650	24,24%
- Cá nhân	47.292	0,18%	42.962	0,16%	(4.330)	-0,02%
- Tổ chức	1.412.710	5,32%	7.857.690	29,56%	6.444.980	24,24%

+ **Cổ đông lớn:** Công ty hiện nay có 03 cổ đông lớn, bao gồm:

THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN <i>Tại thời điểm 31/12 của năm tài chính</i>							
		2012		2013		Thay đổi	
		CP	%	CP	%	CP	%
1	Công ty CP Hàng tiêu dùng Masan	14.140.911	53.20%	14.140.911	53.20%	-	-
2	Gaoling Fund, LP	-	-	6.200.000	23.33%	6.200.000	23.33%
3	Tổng Công ty cà phê Việt Nam- Công ty TNHH một thành viên	9.914.375	37,30%	3.414.375	12,85%	(6.500.000)	-24.46%

Về các cổ đông lớn: tính đến 31 tháng 12 năm 2013, Công ty cổ phần Hàng tiêu dùng Masan đã nắm giữ 14.140.911 cổ phiếu, tương đương 53,2 % vốn điều lệ của Công ty. Trong năm 2013, một cổ đông lớn khác là Tổng công ty Cà phê Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên đã chuyển nhượng 6.500.000 cổ phần, tương đương 24,46% cho Gaoling Fund, L.P (và YHG Investment, L.P). Hiện Tổng công ty Cà phê Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên đang nắm giữ 3.414.375 cổ phần, tương đương 12,85% vốn điều lệ của Công ty.

+ **Cổ đông nhà nước:**

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông Nhà nước

TỔNG CÔNG TY CÀ PHÊ VIỆT NAM- CÔNG TY TNHH 1 THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 211-213-213A, Trần Huy Liệu, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện phần vốn góp:

- Ông Nguyễn Văn Hà- Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Cà phê Việt Nam.
- Ông Phạm Quang Vũ- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Vinacafé Biên Hòa.

- Ông Nguyễn Công Trung- Phó trưởng Ban Pháp chế - Thanh tra, Thường trực Ban Đổi mới & Phát triển doanh nghiệp Tổng công ty Cà phê Việt Nam.

+ Cổ đông sáng lập:

- Tổng Công ty cà phê Việt Nam- Công ty TNHH một thành viên.
Địa chỉ: 211-213-213A, Trần Huy Liệu, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh
- Ông Phạm Quang Vũ
Địa chỉ: 141/49, Khu phố 2, phường Tân Phong, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Ông Bùi Xuân Thoa:
Địa chỉ: 107/19, Trương Định, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
- Ông Lê Quang Chính:
Địa chỉ: 100 Đất Thánh, Phường 6, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.
- Ông Lê Hùng Dũng
Địa chỉ: 182/4E, Bạch Đằng, phường 24, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tình hình quản trị Công ty:

❖ GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Phạm Quang Vũ
Chủ tịch



Ông Trương Công Thắng
Phó Chủ tịch



Ông Lê Hùng Dũng
Thành viên



Ông Lê Quang Chính
Thành viên



Ông Tô Hải
Thành viên



Ông Đinh Quang Hoàn
Thành viên



Ông Nguyễn Công Trung
Thành viên



Ông Nguyễn Văn Hà
Thành viên



Ông Phạm Hồng Sơn
Thành viên



Ông Phạm Đình Toại
Thành viên



Bà Nguyễn Hoàng Yến
Thành viên

❖ **GIỚI THIỆU BAN GIÁM ĐỐC**



Ông Nguyễn Tân Kỳ
Tổng Giám đốc



Ông Lê Hùng Dũng
Phó TGD phụ trách Tài
chính



Ông Lê Quang Chính
Phó TGD phụ trách xây
dựng cơ bản



Ông Nguyễn Thanh Tùng
Phó TGD phụ trách Hành chính



Bà Trương Thị Hiếu
Kế toán trưởng

❖ **GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT**

Ông Đỗ Xuân Hậu
Trưởng ban



Ông Huỳnh Thiên Phú
Thành viên



Ông Nguyễn Ngọc Tuấn
Thành viên

3. **Hoạt động của hội đồng quản trị**

Năm 2013, mặc dù nền kinh tế được đánh giá là đã có bước phục hồi đáng kể so với năm 2012, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, tuy nhiên, những khó khăn nội tại của nền kinh tế vẫn chưa được giải quyết. Thị trường hàng hóa tiêu thụ bị thu hẹp, sức mua của người dân giảm đã dẫn đến những khó khăn nhất định đối với các doanh nghiệp, trong đó có Vinacafé Biên Hòa.

Dự báo trước được tình hình khó khăn đó, Hội đồng quản trị của Công ty luôn chủ động nắm bắt tình hình, thường xuyên giám sát và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh tạo lợi nhuận cho Công ty theo đúng mục tiêu đã đề ra. Số lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị đã nhiều hơn và đa dạng hóa các hình thức xin ý kiến Hội đồng quản trị để giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh của Công ty một cách kịp thời, hiệu quả nhất. Nhìn lại kết quả kinh doanh năm 2013 mà Công ty đã đạt được đã chứng tỏ sự sâu sát chỉ đạo, tầm nhìn chiến lược, cụ thể của Hội đồng quản trị.

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị Công ty đã họp tập trung giải quyết và thông qua nhiều vấn đề, trong đó nổi bật các vấn đề sau:

- Kế hoạch kinh doanh năm 2013;
- Đầu tư mua sắm máy móc thiết bị và xây dựng cơ bản;
- Thay đổi nhân sự chủ chốt: Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.
- Cơ cấu tổ chức mới của Công ty.
- Phê duyệt các giao dịch liên quan nội bộ, giao dịch tài chính thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị để đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty.

❖ **Thay đổi nhân sự của Hội đồng quản trị:**

- Vào ngày 11/5/2013, Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Vinacafé Biên Hòa đã thông qua việc từ nhiệm của các thành viên Hội đồng quản trị gồm: ông Đoàn Đình Thiêm, ông Nguyễn Đăng Quang và ông Bùi Xuân Thoa.
- Cũng trong cuộc họp này, Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí bầu bổ sung ông Nguyễn Văn Hà, ông Phạm Hồng Sơn, ông Phạm Đình Toại và bà Nguyễn Hoàng Yên làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2010-2014.

❖ **Cơ cấu thành viên của Hội đồng quản trị:**

STT	Họ tên	Chức vụ	Thành viên HDQT độc lập	Thành viên HDQT điều hành	SL cổ phần nắm giữ
1	Phạm Quang Vũ	Chủ tịch			1.072.899
2	Trương Công Thắng	Phó CT			14.140.911
3	Lê Hùng Dũng	Thành viên		✓	80.000
4	Lê Quang Chính	Thành viên		✓	8.888
5	Nguyễn Văn Hà	Thành viên			2.219.344
6	Nguyễn Công Trung	Thành viên			341.438
7	Phạm Hồng Sơn	Thành viên			-
8	Phạm Đình Toại	Thành viên			-
9	Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên			-
10	Tô Hải	Thành viên	✓		3.337
11	Đinh Quang Hoàn	Thành viên	✓		-

❖ Các tiểu ban của Hội đồng quản trị:

Kể từ ngày 11/5/2013, với sự tăng cường của 4 thành viên mới, Hội đồng quản trị đã thành lập 3 tiểu ban, gồm:

- **Tiểu ban chiến lược kinh doanh:** xây dựng chiến lược kinh doanh năm 2013, chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Công ty liên quan đến người tiêu dùng trong các lĩnh vực marketing, nghiên cứu phát triển sản phẩm và bán hàng, gồm các nhân sự sau:
 - Ông Phạm Quang Vũ;
 - Ông Trương Công Thắng;
 - Bà Nguyễn Hoàng Yến.
- **Tiểu ban Đầu tư:** phụ trách các hoạt động liên quan đến xây dựng nhà máy cà phê hòa tan Long Thành và các dự án nhà máy khác, hỗ trợ, phối hợp với Ban quản lý dự án đưa nhà máy Long Thành đi vào hoạt động ổn định, gồm các nhân sự sau:
 - Ông Phạm Quang Vũ;
 - Ông Phạm Hồng Sơn;
 - Ông Lê Quang Chính.

Riêng dự án xây dựng Nhà máy cà phê hòa tan Long Thành vẫn do ông Phạm Quang Vũ và ông Lê Quang Chính tiếp tục theo dõi và chịu trách nhiệm.

- **Tiểu ban hoạch định chiến lược tài chính:** kiểm soát tuân thủ để tối ưu hóa tài sản và các cơ hội kinh doanh, đầu tư cho Công ty, gồm các nhân sự sau:
 - Ông Nguyễn Văn Hà;
 - Ông Lê Hùng Dũng;
 - Ông Phạm Đình Toại.

Riêng ông Nguyễn Công Trung chịu trách nhiệm về việc chấp hành pháp luật của Công ty và phối hợp các kênh liên quan.

❖ Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị Vinacafé Biên Hòa đã họp tập trung 05 buổi, và tiến hành lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản 09 lần và đã quyết định các vấn đề sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	1A/2013 /NQ-HĐQT	26/3/2013	Phê duyệt ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.
2	01/2013/NQ-HĐQT	10/4/2013	Phê duyệt: - Việc Ông Đoàn Đình Thiêm thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT và từ nhiệm thành viên HĐQT của Công ty; - Tạm thời bầu bổ sung Ông Nguyễn Văn Hà làm thành viên HĐQT của Công ty nhiệm kỳ 2010 – 2014; - Bầu Ông Phạm Quang Vũ làm Chủ tịch HĐQT và xin ý kiến ĐHĐCĐ về việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm Tổng Giám đốc cho đến khi Công ty tuyển được Tổng Giám đốc mới; - Bầu Ông Trương Công Thắng làm Phó Chủ tịch HĐQT; - Đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT của Ông Đỗ Văn Nam.
3	02/2013/NQ-HĐQT	10/4/2013	Phê duyệt: - Việc thành lập Phòng pháp chế; - Chủ trương đầu tư mua sắm máy đóng gói, hệ thống trộn và các thiết bị phụ trợ tại nhà máy Long Thành; - Các vấn đề liên quan đến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.
4	03/2013/NQ-HĐQT	10/4/2013	Thông qua Tờ trình của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 về kế hoạch kinh doanh năm 2013 của Công ty.
5	04/2013/NQ-HĐQT	10/5/2013	- Thống nhất đưa hai Đơn xin từ nhiệm của Ông Nguyễn Đăng Quang và Ông Bùi Xuân Thoa để xin ý kiến ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 thông qua. Đồng thời thông qua đề xuất ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 bầu bổ sung thành viên thay thế. - Chốt danh sách ứng cử viên đủ điều kiện để bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế.
6	05/2013/NQ-HĐQT	11/5/2013	Phê duyệt: - Ông Phạm Quang Vũ từ nhiệm khỏi chức vụ Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 13/5/2013; - Ông Nguyễn Tân Kỳ giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 11/5/2013.

7	05A/2013/NQ-HĐQT	11/5/2013	- Phê duyệt việc phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT; - Chỉ định Thư ký Công ty và Trợ lý Thư ký Công ty.
8	06/2013/NQ-HĐQT	27/5/2013	Phê duyệt việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
9	07/2013/NQ-HĐQT	27/5/2013	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức năm 2012 đợt 2.
10	08/2013/NQ-HĐQT	01/6/2013	Phê duyệt: - Việc Ông Lê Hùng Dũng – Phó Tổng Giám đốc Công ty không còn kiêm nhiệm chức danh Kế toán trưởng của Công ty kể từ ngày 01/6/2013; - Việc bổ nhiệm Bà Trương Thị Hiếu làm Kế toán trưởng của Công ty kể từ ngày 01/6/2013.
11	10/2013/NQ-HĐQT	26/6/2013	Thông qua cơ cấu tổ chức mới của Công ty.
12	09/2013/NQ-HĐQT	02/7/2013	Phê duyệt việc chấm dứt hoạt động chi nhánh của Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh.
13	11/2013/NQ-HĐQT	08/8/2013	Phê duyệt khoản vay của Công ty tại Ngân hàng.
14	12/2013/NQ-HĐQT	08/8/2013	Phê duyệt các giao dịch nội bộ có giá trị thấp hơn 20% tổng tài sản của Công ty tại Báo cáo tài chính gần nhất.
15	13/2013/NQ-HĐQT	11/9/2013	Thông qua: - Báo cáo tình hình kinh doanh 7 tháng đầu năm 2013 của Công ty; - Báo cáo của Ban quản lý dự án; - Quy chế công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; - Quy định về phát ngôn, cung cấp thông tin báo chí; - Quy định xét thưởng của Công ty; - Tờ trình của Ban điều hành về hệ số thưởng và mức chi thưởng Ban điều hành năm 2012; - Việc tiếp tục thực hiện thành lập các chi nhánh của Công ty ở Đà Nẵng, Hưng Yên và Bình Dương.
16	14/2013/NQ-HĐQT	26/9/2013	Thông qua các quy trình quản trị nội bộ của Công ty.
17	15/2013/NQ-HĐQT	14/11/2013	Thông qua báo cáo tình hình kinh doanh quý III/ 2013 của Công ty và thống nhất lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2013.
18	16/2013/NQ-HĐQT	14/11/2013	Phê duyệt mức tạm ứng cổ tức năm 2013 là 8% và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề liên quan và thực hiện các thủ tục theo quy định.
19	17/2013/NQ-HĐQT	14/11/2013	Thông qua nguyên tắc giao dịch với cổ đông lớn.

20	18/2013/NQ-HĐQT	14/11/2013	Phê duyệt việc Công ty trích lập dự phòng và thanh lý hàng hóa, nguyên vật liệu và bao bì chậm luân chuyển.
21	19/2013/NQ-HĐQT	14/11/2013	Thông qua Quy chế tài chính.
22	20A/2013/NQ-HĐQT	14/11/2013	Phê duyệt nguyên tắc việc Công ty mở hạn mức tín dụng tại Vietcombank.
23	20B/2013/NQ-HĐQT	14/11/2013	Phê duyệt nguyên tắc việc Công ty mở hạn mức tín dụng tại Vietinbank.
24	21/2013/NQ-HĐQT	14/11/2013	Phê duyệt việc ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty xem xét tùy vào tình hình thực tế, quyết định việc thu mua, tích trữ nguyên vật liệu nhằm đạt hiệu quả tốt nhất về giá cả và chất lượng.
25	22/2013/NQ-HĐQT	10/12/2013	Phê duyệt mức cổ tức năm 2013 dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thông qua là 15%.
26	23/2013/NQ-HĐQT	26/12/2013	Phê duyệt các giao dịch nội bộ của Công ty.
27	24/2013/NQ-HĐQT	26/12/2013	Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định ngày chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 và thực hiện các thủ tục công bố thông tin theo quy định.

❖ **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:**

Nhờ được cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời và tham gia đầy đủ các cuộc họp cũng như trao đổi thông tin thường xuyên, các thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia điều hành công ty đã có những đóng góp khách quan trong việc ra các quyết định quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh ngắn hạn và các chiến lược phát triển trong dài hạn của công ty.

❖ **Hoạt động giám sát thường xuyên của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc:**

Trong năm 2013, Hội đồng Quản trị đã thường xuyên giám sát và đảm bảo hoạt động của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác luôn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, điều lệ và các quy chế của Công ty, đồng thời chấp hành các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty.

❖ **Chi phí hoạt động năm 2013 của Hội đồng quản trị và từng thành viên:**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chi phí hoạt động năm 2013 (VND)
1	Đoàn Đình Thiêm	Chủ tịch (Đến ngày 10/4/2013)	120.000.000
2	Phạm Quang Vũ	Phó Chủ tịch (Đến ngày 10/4/2013) Chủ tịch (hoạt động chuyên trách) (Từ ngày 10/4/2013)	1.383.548.387
3	Trương Công Thắng	Thành viên (Đến ngày 10/4/2013) Phó Chủ tịch (Từ ngày 10/4/2013)	240.000.000
4	Nguyễn Đăng Quang	Thành viên (Đến ngày 11/5/2013)	86.451.613
5	Bùi Xuân Thoa	Thành viên (Đến ngày 11/5/2013)	86.451.613
6	Đỗ Văn Nam	Thành viên (Đến ngày 10/4/2013)	80.000.000
7	Lê Quang Chính	Thành viên	240.000.000
8	Lê Hùng Dũng	Thành viên	240.000.000
9	Tô Hải	Thành viên	240.000.000
10	Đinh Quang Hoàn	Thành viên	240.000.000
11	Nguyễn Công Trung	Thành viên	240.000.000
12	Nguyễn Văn Hà	Thành viên (Từ ngày 10/4/2013)	160.000.000
13	Nguyễn Hoàng Yên	Thành viên (Từ ngày 11/5/2013)	153.548.387
14	Phạm Hồng Sơn	Thành viên (Từ ngày 11/5/2013)	153.548.387
15	Phạm Đình Toại	Thành viên (Từ ngày 11/5/2013)	153.548.387

❖ Những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ				Theo danh sách chốt cổ đông ngày 20/3/2014			
		2012		2013		Thay đổi	
		CP	%	CP	%	CP	%
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ							
1	Phạm Quang Vũ (*)	2.697.899	10,15%	1.072.899	4,04%	(1.625.000)	-6,11%
	- Đại diện	2.478.594		853.594		(1.625.000)	
	- Cá nhân	219.305		219.305		-	
2	Nguyễn Đăng Quang (*)(**)	7.070.455	26,60%	-			
	- Đại diện	7.070.455		-			
	- Cá nhân	-					
3	Trương Công Thắng (*)	7.070.456	26,60%	14.140.911	53,20%	7.070.455	26,60%
	- Đại diện	7.070.456		14.140.911		7.070.455	
	- Cá nhân	-		-			
4	Lê Quang Chính (*) (**)	8.888	0,03%	8.888	0,03%	-	-
5	Lê Hùng Dũng (*) (**)	187.500	0,71%	80.000	0,30%	(107.500)	-0,40%
6	Nguyễn Công Trung (*)	991.437	3,73%	341.437	1,28%	(650.000)	-2,45%
	- Đại diện	991.437		-			
	- Cá nhân	-		-			
7	Nguyễn Văn Hà (*)	-	-	2.219.344	8,35%	2.219.344	8,35%
	- Đại diện	-	-	-		-	
	- Cá nhân	-	-	-		-	-
8	Đoàn Đình Thiêm (*)(***)	6.444.344	24,25%	-	-	(6.444.344)	-24,25%
	- Đại diện	6.444.344					
	- Cá nhân						
9	Nguyễn Hoàng Yến (*)	-	-	-	-	-	-
10	Phạm Đình Toại (*)	-	-	-	-	-	-
11	Phạm Hồng Sơn (*)	-	-	-	-	-	-
12	Tô Hải (*)	3.337	0,01%	3.337	0,01%	-	-
13	Đinh Quang Hoàn (*)	-	-	-	-	-	-
BAN KIỂM SOÁT							
1	Đỗ Xuân Hậu	-	-	-	-	-	-
2	Nguyễn Ngọc Tuấn	855	0,0032%	855	0,0032%	-	-
3	Huỳnh Thiên Phú	-	-	-	-	-	-

(*) Thành viên Hội đồng quản trị.

(**) Ban điều hành.

(***) Kể từ ngày 11/5/2013 đã từ nhiệm khỏi chức danh TV.HĐQT.

❖ **Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/ chuyển nhượng phần vốn góp của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và những người liên quan.**

- Ông Lê Hùng Dũng, thành viên Hội đồng quản trị, bán 107.500 cổ phiếu, tương đương 0,71% vốn điều lệ Công ty.
- Tổng Công ty cà phê Việt Nam- Công ty TNHH Một thành viên, bán 6.500.000 cổ phiếu, tương đương 24,46% vốn điều lệ Công ty.

4. **Hoạt động của Ban kiểm soát**

❖ **Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2013:**

Trong năm 2013 do đặc thù công việc được giao và tình hình thực tiễn của mỗi thành viên trong Ban kiểm soát nên vào trung tuần tháng 7/2013, có sự thay đổi các vị trí trong Ban kiểm soát cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của Ban kiểm soát, mặc dù vậy, các thành viên cũng cố gắng khắc phục và thực hiện những nhiệm vụ chính sau:

- Thực hiện công tác giám sát, xem xét và đánh giá các hoạt động của Ban điều hành Công ty trong việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Thực hiện công tác giám sát các hoạt động của HĐQT trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật và thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định của luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Thẩm định, xem xét và đánh giá báo cáo tài chính định kỳ hàng quý và kết thúc năm 2013.
- Giám sát việc thực hiện dự án xây dựng nhà máy mới tại Long Thành. Đưa ra một số yêu cầu xây dựng và chỉnh sửa các qui trình liên quan đến đầu tư Tài sản Cố định liên quan.
- Khảo sát, đánh giá khả năng, tiềm lực tài chính và lấy ý kiến phản hồi từ một số nhà phân phối ở miền Trung bộ và Tây nguyên (khu vực Gia Lai, Kon Tum, Đà Nẵng) trong quá trình quan hệ kinh doanh với Vinacafé và một số nhà phân phối mới. từ đó đã thu thập được một số phản ánh thực tế tại các nhà phân phối và phản ánh với Ban điều hành đưa ra những giải pháp thiết thực để hoàn thiện trong quá trình hoạt động kinh doanh của đơn vị.
- Kiểm soát và đề xuất các biện pháp ngăn ngừa các hoạt động có thể dẫn đến rủi ro cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ ***Đánh giá của Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT trong năm 2013:***

- Năm 2013, HĐQT đã đưa ra những định hướng chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển trung – dài hạn mang tính chiến lược được hoạch định hoàn chỉnh nhằm triển khai thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đã đưa ra.
- HĐQT đã quản lý, chỉ đạo điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT đề ra.
- HĐQT đều đặn họp định kỳ mỗi quý một lần và đều có sự tham gia của đại diện Ban kiểm soát.
- Trong năm 2013, thực sự là một năm đầy khó khăn, thử thách không biết bao nhiêu doanh nghiệp ngừng hoạt động, ngân hàng nợ xấu kéo dài, tình hình kinh tế vĩ mô đầy khó khăn, thử thách. HĐQT luôn theo sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và luôn lấy nghị quyết Đại hội đồng cổ đông làm kim chỉ nam. Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và sự biến động của tình hình kinh tế, HĐQT đã xin ý kiến cổ đông bằng văn bản và đã có quyết nghị kịp thời điều chỉnh doanh thu năm 2013 giảm xuống là: 2.200 tỷ và lợi nhuận là: 255 tỷ so với nghị quyết Đại hội đồng cổ đông là 3.100 tỷ doanh thu và 475 tỷ lợi nhuận.
- Trong năm 2013, BKS không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông liên quan đến hoạt động của HĐQT, BKS và Ban Điều hành.

❖ ***Đánh giá của Ban kiểm soát đối với hoạt động của Ban Điều hành (Ban giám đốc):***

- Năm 2013 là năm nhiều khó khăn và thử thách đối với nền kinh tế nói chung và của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa nói riêng. Tuy vậy, với những cố gắng và nỗ lực đáng được trân trọng, Ban Giám đốc đã duy trì Công ty luôn phát triển bền vững mặc dù kết quả đạt được so với kế hoạch còn hạn chế.
- Một số chỉ tiêu chính yếu đạt được trong năm 2013 được thể hiện như sau:

- Doanh thu: 2.341 tỷ tăng 9,3% so với cùng kỳ .
 - Giá vốn hàng bán: 1.613 tỷ tăng 5,4% so với cùng kỳ.
 - Chi phí bán hàng: 390 tỷ tăng 53% so với cùng kỳ.
 - Lợi nhuận: 260 tỷ giảm 13% so với cùng kỳ.
- Từ những chỉ tiêu trên cho thấy doanh thu và giá vốn trong năm đều tăng, nhưng ngược lại lợi nhuận giảm 13% so với cùng kỳ chủ yếu là do chi phí bán hàng tăng 53% (trong đó chủ yếu là chi phí quảng cáo, tiếp thị).
 - Ban Giám đốc thường xuyên tổ chức họp thảo luận tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và quyết định về những vấn đề chính yếu của Công ty nhằm triển khai thực hiện kịp thời các quyết định, nghị quyết của HĐQT theo sát nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - Ban điều hành đã triển khai và vận hành thành công phần mềm quản lý ERP nhằm phát huy hiệu quả bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty.
 - Hội đồng quản trị và Ban điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát làm việc theo đúng chức năng mà luật pháp và điều lệ đã quy định.
- ❖ **Đánh giá của Ban kiểm soát đối với hoạt động của Ban quản lý dự án:**
- Dự án nhà máy sản xuất cà phê hòa tan 3.200kg/năm tại Long Thành, cơ bản đã hoàn thiện xong chạy thử và đã đi vào sản xuất trong năm 2013.
- ❖ **Đánh giá của Ban kiểm soát về kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2013:**
- Công tác kế toán được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.
 - Số liệu thể hiện trong báo cáo tài chính năm 2013 phản ánh hợp lý, trung thực, chính xác tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 .
 - Việc luân chuyển, lưu trữ, sử dụng và bảo quản chứng từ hợp pháp, hợp lệ.
 - Một vài số liệu chính yếu được thể hiện trong bảng báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2013:

Tình hình SXKD trong năm 2013:

ĐVT: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2013	NĂM 2012	2013/2012 (%)
Doanh Thu thuần	2.298	2.114	108,7
Lợi nhuận trước thuế	287	326	88
Lợi nhuận sau thuế	260	298	87,2
Tỉ lệ LN/Doanh thu	11,3	14,1	
Tỉ lệ LN/Vốn CSH	23	31,3	
Thu nhập trên mỗi CP (ĐVT: đồng)	9.797	11.221	

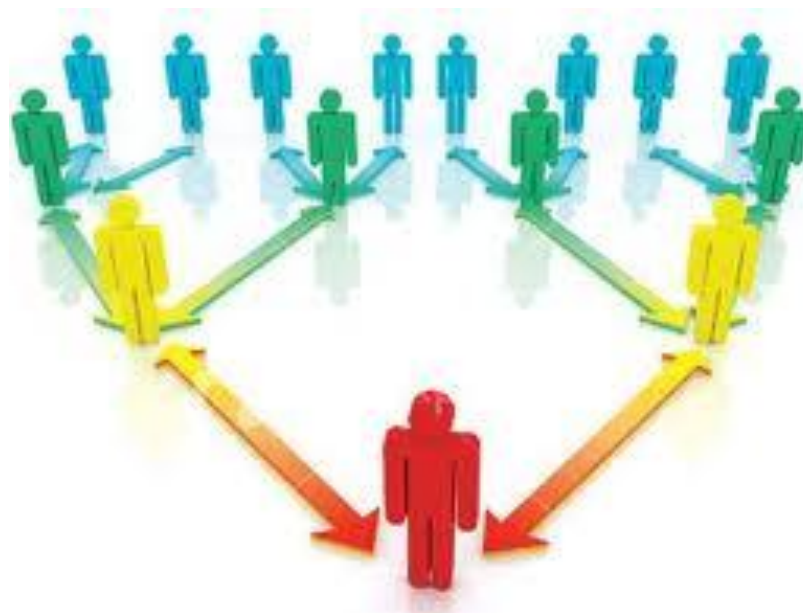
- ❖ **Đánh giá của Ban kiểm soát về mối quan hệ của Ban điều hành và Người lao động:**
- Ban điều hành và Người lao động luôn đặt trọng tâm vào kết quả sản xuất kinh doanh, cùng bàn bạc, thảo luận và đưa ra các giải pháp khắc phục khó khăn.
 - Quyền lợi của Người lao động được chăm lo đầy đủ, đúng chế độ qui định như: Chế độ phúc lợi xã hội, chế độ thi đua khen thưởng v.v... Các tổ chức chính trị - Xã hội luôn được thực hiện và quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để duy trì hoạt động.

KẾ HOẠCH LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2014

- Thẩm tra báo cáo tài chính năm 2013 và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2014.

- Căn cứ vào nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014, xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành SXKD của HĐQT và BĐH.
- Thẩm tra báo cáo tài chính quý và năm 2014.
- Xem xét việc tuân thủ các trình tự thủ tục, quy trình phê duyệt các dự án đầu tư theo điều lệ và quy chế tài chính của Công ty.
- Thực hiện chương trình khảo sát quá trình hoạt động sản xuất tại nhà máy, trao đổi với các bộ phận sản xuất và phục vụ sản xuất tại cả 2 nhà máy Biên Hòa và nhà máy Long Thành. Qua đó, Ban Kiểm soát sẽ nắm vững tình hình hoạt động sản xuất để tham gia góp ý khi cần thiết.
- Tiếp tục thực hiện kế hoạch khảo sát nhà phân phối tại Miền Nam và Miền Bắc để tiếp thu các phản hồi của nhà phân phối để có đánh giá và nhận xét khách quan hơn về hoạt động điều hành kinh doanh năm 2014.
- Tiếp tục thực hiện chương trình khảo sát vùng nguyên liệu cà phê, các nhà cung cấp nguyên liệu, bao bì chính để ghi nhận phản hồi từ các đối tác. Chương trình sẽ được Ban kiểm soát gửi kế hoạch cụ thể cho Ban Điều Hành khi thực hiện.

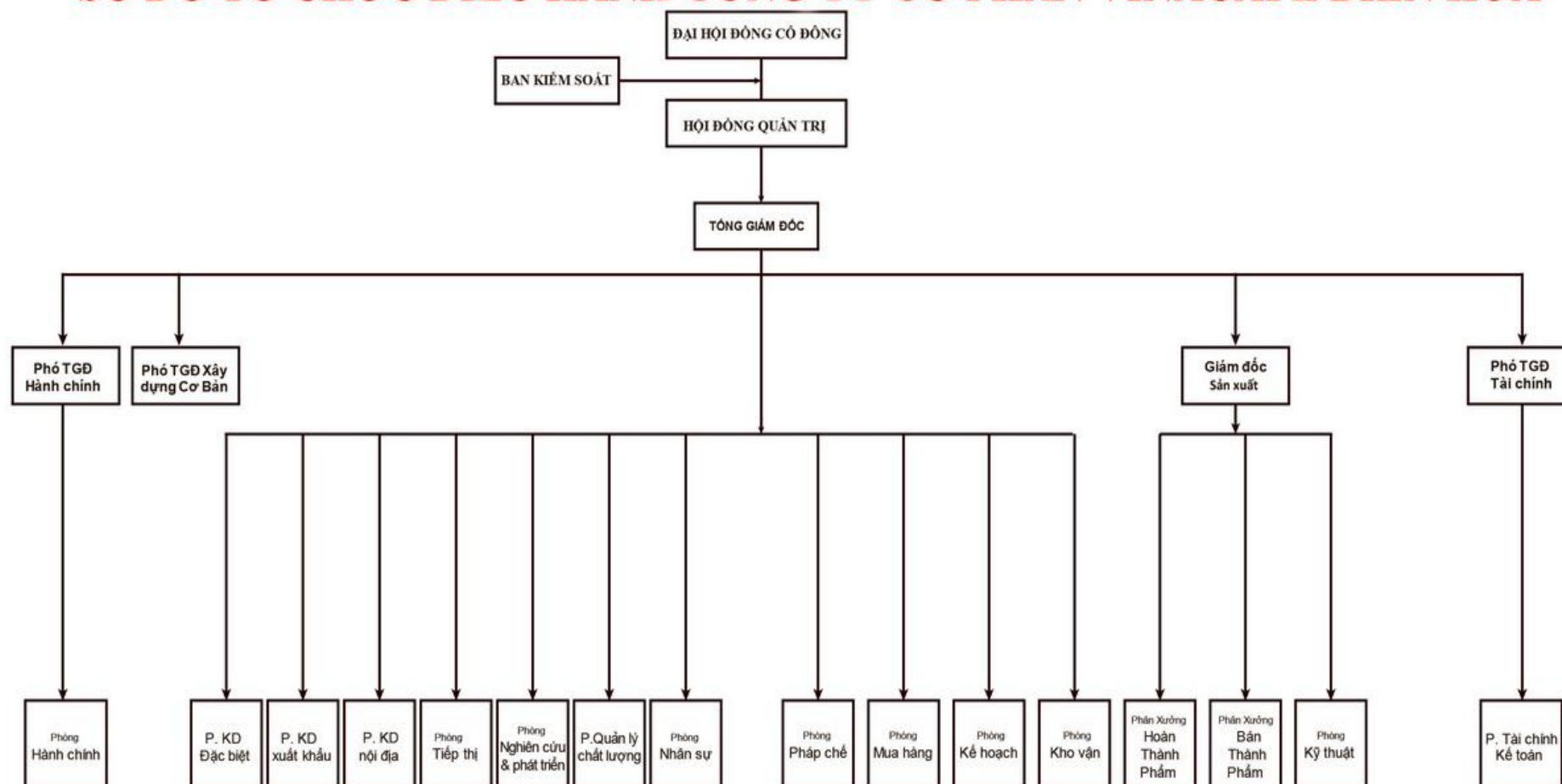
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CÔNG TY



1. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

- a. Đại Hội đồng cổ đông là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa. Đại hội đồng Cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị, cơ quan quản lý cao nhất. Đại hội đồng Cổ đông cũng bầu ra Ban kiểm soát, giúp Đại hội đồng cổ đông kiểm soát nội bộ công ty. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc và ba Phó Tổng Giám đốc (gồm 01 phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính, 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách xây dựng cơ bản và 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách Hành chính) và Kế toán trưởng để trực tiếp điều hành công ty. Vinacafé Biên Hòa có cơ cấu khá đầy đủ phòng ban chuyên môn, gồm 01 Giám đốc sản xuất, 14 phòng ban chức năng, 03 chi nhánh đặt tại Thành phố Hà Nội, Hưng Yên và Long Thành- Đồng Nai và 02 nhà máy sản xuất cà phê hòa tan (nhà máy Biên Hòa và nhà máy Long Thành) đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty hiện tại và tương lai.
- b. Hội đồng quản trị là cơ quan quyết định tất cả những vấn đề quan trọng liên quan đến Công ty, có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Hiện nay, Hội đồng quản trị của Công ty bao gồm 11 thành viên, hoạt động theo nhiệm kỳ 5 năm từ năm 2010-2014.
- c. Để giám sát hoạt động tài chính của Công ty, đại diện cho cổ đông giám sát tính hợp pháp các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, bảo vệ quyền lợi cho Công ty và cổ đông, Đại hội đồng cổ đông đã bầu ra Ban kiểm soát. Ban kiểm soát của Công ty bao gồm 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên có trình độ chuyên môn về Tài chính.
- d. Ban giám đốc Công ty bao gồm 05 thành viên (01 Tổng Giám đốc, 03 Phó Tổng Giám đốc, 01 Kế toán trưởng), hoạt động theo chế độ thủ trưởng, trong đó Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm điều hành toàn bộ hoạt động hàng ngày của Công ty.
- e. Đội ngũ cán bộ công nhân viên tính đến ngày 31/12/2013 bao gồm 746 người (năm 2012: 716 người), bao gồm cả thành viên Ban giám đốc, trong đó có 512 lao động nam và 234 lao động nữ.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC ĐIỀU HÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA



1. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trải qua hơn 30 năm thành lập, tồn tại và phát triển công ty, người lao động của VINACAFÉ BH luôn gắn bó với công ty, coi công ty như là ngôi nhà thứ hai của mình, luôn kề vai sát cánh với Ban lãnh đạo công ty, đưa công ty vượt qua mọi khó khăn. Đặc biệt, tại công ty có nhiều trường hợp cả gia đình, vợ chồng, con cái, anh em cùng làm trong công ty, điều đó thực sự là sự gắn kết tuyệt vời giữa công ty và gia đình, công ty chính là gia đình lớn của người lao động.

Chính vì thế, việc thực hiện các chính sách đãi ngộ, tri ân những kết quả mà người lao động đã đóng góp cho công ty luôn là một trong những mối quan tâm hàng đầu của Ban lãnh đạo Công ty.

Vinacafé Biên Hòa là ngôi nhà thứ 2 của mỗi cán bộ công nhân viên ở đây.

Về chế độ làm việc:

- Đối với bộ phận gián tiếp sản xuất (khối văn phòng), công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/ tuần; đối với khối trực tiếp sản xuất tổ chức làm việc theo ca. Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về ngày, giờ làm việc, giờ nghỉ ngơi tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên có thời gian nghỉ ngơi hợp lý, góp phần nâng cao hiệu quả công việc.
- Người lao động được chăm sóc sức khỏe đầy đủ, được khám bệnh nghề nghiệp hàng năm nhằm phát hiện và điều trị bệnh kịp thời, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và mua bảo hiểm tai nạn đầy đủ.
- Người lao động được ký kết hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật, được ký kết thỏa ước lao động tập thể với công ty.
- Công ty đã thành lập mạng lưới an toàn viên về An toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, xây dựng các phương án đối phó với các trường hợp khẩn cấp.
- Đời sống người lao động được quan tâm, người lao động được thăm hỏi, động viên, hỗ trợ kịp thời khi bị ốm đau hoặc gia đình có ma chay, hiếu, hỉ,...
- Các hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí được tổ chức thường xuyên nhằm tạo sự thoải mái và phấn khởi, vui tươi trong CB. CNV (Hàng năm công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ dưỡng tại các địa điểm du lịch, tổ chức cắm trại cho đoàn viên thanh niên, tổ chức dã ngoại cho các cháu thiếu nhi vào ngày quốc tế thiếu nhi,...).
- Người lao động được xem xét nâng lương, nâng bậc hàng năm hoặc đột xuất khi có thành tích đóng góp nổi bật, được mua cổ phiếu ưu đãi của công ty khi công ty phát hành cổ phiếu lần đầu hoặc phát hành tăng vốn điều lệ.
- Công ty tổ chức xe đưa đón hàng ngày cho các nhân viên tại TP. HCM làm việc tại công ty.
- Được đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên và được khuyến khích tham gia các khóa tự đào tạo.

Về môi trường làm việc:

Công ty chú trọng vào việc xây dựng môi trường làm việc đảm bảo an toàn, thân thiện và thoải mái về mặt tâm lý cho người lao động, tạo sự gắn kết giữa người lao động với công ty. Cụ thể như:

- Đối với khối hành chính, văn phòng: Các khu vực làm việc đảm bảo điều kiện ánh sáng, nhiệt độ, độ ồn, bụi,... các phương tiện làm việc cá nhân như máy vi tính, máy tính, máy in, điện thoại, đường truyền internet, mạng nội bộ,.. được trang bị đầy đủ.
- Đối với các khu vực sản xuất trực tiếp: Nguồn nước phục vụ ăn uống và sinh hoạt đảm bảo luôn đầy đủ và hợp vệ sinh, hệ thống nhà vệ sinh, nhà tắm, phòng thay đồ, tủ cá nhân được trang bị đầy đủ.
- Toàn công ty có nhà bếp và đội ngũ nhân viên cấp dưỡng riêng để đảm bảo chất lượng bữa ăn giữa ca cho người lao động được phục vụ tốt nhất, các bữa ăn giữa ca được bộ phận y tế của công ty giám sát về chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm theo đúng quy định.
- Người lao động làm việc tại các khu vực sản xuất bị ảnh hưởng bụi, độ ồn đều được trang bị các phương tiện bảo hộ cá nhân đầy đủ, được phụ cấp độc hại theo quy định của pháp luật.
- Việc kiểm soát về an toàn thiết bị được ưu tiên hàng đầu, các thiết bị áp lực được kiểm định theo quy định, các thiết bị PCCC được trang bị đầy đủ. Công ty đã thành lập ban PCCC để triển khai và giám sát các kế hoạch PCCC tại công ty.
- Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải riêng, đảm bảo nguồn nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn loại A.

Về chế độ lương, thưởng:

Trong những năm qua, Vinacafé Biên Hòa đã duy trì chế độ lương, thưởng thích hợp, đúng quy định pháp luật, thu nhập bình quân của người lao động ổn định và tăng hàng năm theo kết quả kinh doanh của công ty.

- Công ty thực hiện việc chi trả lương cho cán bộ công nhân viên tùy thuộc vào từng chức danh công việc được phân công, độ phức tạp của công việc, chức vụ, ngày công lao động và tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, đảm bảo công bằng hợp lý, tuân thủ pháp luật và nâng cao đời sống của công nhân viên trong công ty.
- Hàng năm đều có xem xét nâng lương, nâng ngạch/bậc lương cho mỗi cán bộ công nhân viên, tạo động lực để người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có điều kiện phấn đấu liên tục, góp sức cho sự phát triển của công ty.
- Căn cứ vào lợi nhuận trong hoạt động sản xuất kinh doanh từng năm, người lao động được thưởng theo định kỳ. Bên cạnh đó, công ty luôn khuyến khích và xem xét thưởng đột xuất cho cán bộ công nhân viên có nhiều đóng góp, sáng kiến kỹ thuật đem lại hiệu quả năng suất công việc cao, lợi nhuận đáng kể cho công ty. Mức thưởng cụ thể sẽ do Tổng Giám đốc quyết định đối với từng trường hợp.

Về tuyển dụng và Đào tạo- phát triển nguồn nhân lực:

Trong năm qua, công ty đã chú trọng đến vấn đề tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại công ty. Các nhân sự chủ chốt, các vị trí công việc chuyên môn thuộc khối văn phòng và quản lý, lao động phổ thông, ... được tuyển dụng đủ đáp ứng được nhu cầu công việc hiện tại. Bên cạnh đó, công ty khuyến khích cán bộ công nhân viên tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức những khóa học nâng cao kỹ năng cho cán bộ công nhân viên (cử cá nhân đi học, mời giáo viên về công ty giảng dạy...).

Tinh hoa của sự thưởng thức

Tinh hoa của sự thưởng thức

Tinh hoa của sự thưởng thức

Tinh hoa của sự thưởng thức



Tinh hoa của sự thưởng thức



Tinh hoa của sự thưởng thức

Tinh hoa của sự thưởng thức

Tinh hoa của sự thưởng thức

Tinh hoa của sự thưởng thức

Tinh hoa của sự thưởng thức

Tinh hoa của sự thưởng thức

